

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN KIÊN LƯƠNG** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
**TỈNH KIÊN GIANG**

-----  
Bản án số: **46/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/4/2024

*V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thuý**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Lê Thị Ngọc Bích**

2. Ông **Nguyễn Văn Đạt**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Thảo** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang.

*- Đại diện Viện Kiểm Sát Nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Cẩm Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Chị **Trương Thị N**, sinh năm 1986. Địa chỉ: **Tổ A, khu phố K, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang**. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

*- Bị đơn:* Anh **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1987. Địa chỉ: **Tổ A, khu phố K, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang**. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai bà **Trương Thị N** trình bày và yêu cầu như sau:* Về hôn nhân: chị với anh **Đ** đã chung sống với nhau từ năm 2015 có đăng ký kết hôn được **UBND thị trấn K** cấp giấy chứng nhận kết hôn, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp nhau trong cách sống và anh **Đ** thường xuyên đi uống rượu khi về nhà đánh chửi vợ con từ đó vợ chồng mau thuẫn nhưng không thể hòa giải được do anh **Đ** không thay đổi, hiện tại vợ chồng đã sống ly

thân hơn 01 năm không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung chị N với anh Đ có 01 người con chung tên Phạm Văn Đ1, sinh năm 2014 ly hôn tôi xin được nuôi con không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

**Đối với bị đơn anh Phạm Văn Đ:** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp cho anh Đ Thông báo thụ lý vụ án kèm theo các chứng cứ mà phía nguyên đơn nộp theo hồ sơ đơn kiện, anh Đ nhận nhưng không ký tên vào biên bản của Tòa án, và đã niêm yết hai lần Thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ vẫn không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản hoặc bản tự khai trình bày ý kiến của mình về vụ kiện, nên trong hồ sơ vụ án không có lời khai của anh Đ.

**Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu và đề nghị giải quyết vụ kiện như sau:** Về tố tụng: việc Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp là đúng thẩm quyền. Người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền cũng như nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ kiện theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ kiện, việc nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn là đúng quy định của pháp luật vợ chồng chị N anh Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên khi ly hôn giải quyết theo luật HN và GD năm 2014. Việc nguyên đơn xin ly hôn là có cơ sở vì mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng thông qua trình bày của các đương sự cũng như việc xác minh của Tòa án, do vậy đề nghị chấp thuận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về án phí, án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị N yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật:

Thẩm quyền giải quyết: anh Phạm Văn Đ là bị đơn có nơi cư trú tại Khu phố K, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang nên khi có yêu cầu giải quyết vụ kiện thuộc thẩm



quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan hệ pháp luật: giữa chị **N** và anh **Đ** chung sống với nhau là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn, đã tuân thủ theo pháp luật vì vậy khi ly hôn phải điều chỉnh theo luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về thủ tục tố tụng: đối với anh **Đ** tòa án đã tổng đạt hợp lệ đầy đủ thủ tục tố tụng hai lần hòa giải và công khai chứng cứ và hai lần xét xử nhưng anh **Đ** vắng mặt không có lý do, chị **N** có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt chị **N**, anh **Đ** theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về mâu thuẫn giữa chị **N** trình bày trong khoảng thời gian chung sống với nhau anh **Đ** thường uống rượu say khi về nhà đánh chửi vợ con nhiều lần, sau đó chị có cho anh cơ hội để sửa chữa nhưng anh không thực hiện vẫn tiếp tục uống rượu say và đánh chửi vợ con không quan tâm chăm sóc gia đình vợ con, từ đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến chị cùng con bỏ nhà đi ở nơi khác làm ăn, do tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh **Đ**.

Qua xác minh tình trạng hôn nhân cũng như mâu thuẫn giữa chị **N** và anh **Đ**, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại khu phố cho biết vợ chồng chị **N** và anh **Đ** chung sống không hạnh phúc thường xảy ra mâu thuẫn lỗi là do phía anh **Đ** gây ra và tại thời điểm hiện nay anh chị đã sống ly thân chị **N** cùng con phải đi ở nơi khác làm ăn.

Như vậy cho thấy mâu thuẫn giữa chị **N** và anh **Đ** đã đến mức trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, không còn quan tâm chăm sóc nhau nên hội đồng xét xử chấp nhận cho ly hôn, điều này phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: chị **N** và anh **Đ** có 01 người con chung là **Phạm Văn Đ1**, sinh ngày 02/4/2014. Chị **N** xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu **Đ1** đến tuổi trưởng thành chị không yêu cầu anh **Đ** cấp dưỡng nuôi con, xét thấy cháu **Đ1** sống cùng chị từ nhỏ nay cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ do vậy HĐXX giao cho chị **N** được quyền chăm sóc nuôi dưỡng con chung **Phạm Văn Đ1** đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu **Đ1**, anh **Đ** không cấp dưỡng nuôi con do chị **N** không có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị **N** có yêu cầu xin ly hôn với anh **Đ** nên chị **N** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng, Điều 9, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 và khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

### **1. Tuyên xử:**

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trương Thị N** cho ly hôn với anh **Phạm Văn Đ**.

- Về con chung: Giao cháu **Phạm Văn Đ1**, sinh ngày 02/4/2014 cho chị **N** tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh **Đ** không cấp dưỡng nuôi con do chị **N** không có yêu cầu.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật

- Về tài sản chung, nợ chung: không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**2. Về án phí:** Chị **N** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo lai thu số 0007077 ngày 02/8/2023 (đã thực hiện xong).

**3. Quyền kháng cáo:** Báo cho chị **N** và anh **Đ** được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi Hành án Dân sự H. KL ;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thuý**